

Số: 21/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách nhà nước năm 2025, tỉnh Tuyên Quang**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

KHÓA XIX, KỶ HỌP THỨ 8

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
quy định về các nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng
Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách
nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Văn bản số 4488/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2024 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh
Tuyên Quang;*

*Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách nhà nước năm 2025, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số
105/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Dự kiến tổng Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025: 6.026.838,15 triệu đồng, gồm:

1.1. Vốn ngân sách địa phương: 3.305.030 triệu đồng, trong đó:

- Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 798.530 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.477.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết: 29.500 triệu đồng.

1.2. Vốn ngân sách trung ương: 2.721.808,15 triệu đồng, trong đó:

- Vốn trong nước: 2.324.772,15 triệu đồng.
- Vốn nước ngoài (ODA): 397.036 triệu đồng.

2. Dự kiến phân bổ vốn đầu tư công năm 2025: 6.026.838,15 triệu đồng, gồm:

2.1. Vốn ngân sách địa phương: 3.305.030 triệu đồng, trong đó:

- Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 798.530 triệu đồng. Bố trí nguồn vốn này theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên theo các quy định hiện hành.

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.477.000 triệu đồng.

+ Ngân sách cấp tỉnh: Ưu tiên phân bổ đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo kế hoạch của tỉnh; các dự án, công trình trọng điểm và các nhiệm vụ trọng tâm khác của tỉnh.

+ Ngân sách cấp huyện: Thực hiện đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn theo quy định (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác có liên quan). Trong đó, ưu tiên phân bổ đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo kế hoạch của tỉnh; các dự án, công trình trọng điểm tạo quỹ đất, phát triển đô thị và các nhiệm vụ đầu tư trọng tâm, trọng điểm theo quy định.

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 29.500 triệu đồng. Bố trí ưu tiên đầu tư nguồn vốn này cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, y tế, xây dựng nông thôn mới; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

2.2. Vốn ngân sách trung ương: 2.721.808,15 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn trong nước: 2.324.772,15 triệu đồng, gồm:

- Đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.540.946,15 triệu đồng; trong đó:

+ Giao thông: 846.129,93 triệu đồng.

+ Y tế: 550.620,38 triệu đồng.

+ Văn hóa - Xã hội: 115.645,84 triệu đồng.

+ Đề án tổng thể di dân tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: 28.550 triệu đồng.

- Các chương trình mục tiêu quốc gia: 783.826 triệu đồng, gồm:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 156.475 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 88.940 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 538.411 triệu đồng.

b) Vốn nước ngoài (ODA): 397.036 triệu đồng, trong đó:

- Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 25.160 triệu đồng.

- Giao thông: 355.340 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, vốn vay ODA của Ngân hàng Phát triển Châu Á): 16.536 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu số 01, 02, 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (G).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Năm 2024			Nhu cầu kế hoạch năm 2025	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Kế hoạch	Ước giải ngân từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Ước giải ngân từ 01/01/2024 đến 31/12/2024			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	26.113.929,00	5.758.019,00	2.386.354,00	5.653.879,00	6.026.838,15	6.026.838,15	
I	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.280.200,00	1.956.030,00	939.015,00	1.956.030,00	3.305.030,00	3.305.030,00	
1	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.988.700,00	573.030,00	286.515,00	573.030,00	798.530,00	798.530,00	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	5.150.000,00	1.035.000,00	517.500,00	1.035.000,00	2.477.000,00	2.477.000,00	
3	Xổ số kiến thiết	117.500,00	24.000,00	15.000,00	24.000,00	29.500,00	29.500,00	
4	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	2.000.000,00	300.000,00	120.000,00	300.000,00			
5	Kinh phí sự nghiệp bổ sung vốn đầu tư theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của TTCP	24.000,00	24.000,00		24.000,00			
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	15.833.729,00	3.801.989,00	1.447.339,00	3.697.849,00	2.721.808,15	2.721.808,15	Chi tiết biểu số 02
1	Vốn trong nước	15.007.021,00	3.725.943,00	1.437.439,00	3.621.803,00	2.324.772,15	2.324.772,15	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Năm 2024			Nhu cầu kế hoạch năm 2025	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Kế hoạch	Ước giải ngân từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Ước giải ngân từ 01/01/2024 đến 31/12/2024			
1.1	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực	11.842.429,00	3.117.738,14	1.328.757,14	3.157.738,14	1.540.946,15	1.540.946,15	
	Trong đó:							
-	<i>Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua địa phận tỉnh Tuyên Quang</i>	<i>4.497.170,00</i>	<i>2.229.170,00</i>	<i>1.000.000,00</i>	<i>2.229.170,00</i>	<i>412.420,03</i>	<i>412.420,03</i>	
-	<i>Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang</i>	<i>1.200.000,00</i>	<i>150.000,00</i>	<i>30.000,00</i>	<i>150.000,00</i>	<i>532.300,00</i>	<i>532.300,00</i>	
-	<i>Đề án tổng thể di dân tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang</i>	<i>427.524,00</i>	<i>28.000,00</i>	<i>15.000,00</i>	<i>28.000,00</i>	<i>28.550,00</i>	<i>28.550,00</i>	
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia	3.164.592,00	785.523,00	295.000,00	681.383,00	783.826,00	783.826,00	
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	<i>828.364,00</i>	<i>156.385,00</i>	<i>30.000,00</i>	<i>140.000,00</i>	<i>156.475,00</i>	<i>156.475,00</i>	
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>	<i>503.457,00</i>	<i>135.959,00</i>	<i>65.000,00</i>	<i>122.363,00</i>	<i>88.940,00</i>	<i>88.940,00</i>	
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>1.832.771,00</i>	<i>493.179,00</i>	<i>200.000,00</i>	<i>419.020,00</i>	<i>538.411,00</i>	<i>538.411,00</i>	
2	Vốn nước ngoài	826.708,00	76.046	9.900	76.046	397.036	397.036	Chi tiết biểu số 03

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định quyết toán/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2024		Dự kiến kế hoạch năm 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú				
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước						Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:	
																			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	25	26	27	28	29	30	
	TỔNG SỐ						18.311.508,93	13.902.743,68	15.007.021,00	239.524,00		13.926.899,37	13.729.506,15	2.324.772,15	2.324.772,15					
A	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC						18.311.508,93	13.902.743,68	11.842.429,00	239.524,00		11.711.497,37	11.514.104,15	1.540.946,15	1.540.946,15					
I	GIAO THÔNG						13.730.154,68	10.076.904,43	9.526.601,00			8.711.318,07	8.709.971,07	846.129,93	846.129,93					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						6.510.154,68	5.159.734,43	4.609.431,00			4.426.568,10	4.425.221,10	213.709,90	213.709,90					
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	A	Tỉnh Tuyên Quang, Tỉnh Phú Thọ	L=77 km; Đường cao tốc	2021-2024	77/QĐ-UBND; 25/01/2021; 468/QĐ-UBND, 28/4/2022; 568/QĐ-TTg, 29/5/2023; 512/QĐ-UBND, 21/5/2024	3.753.000,00	2.900.000,00	2.400.000,00			2.400.000,00	2.400.000,00						Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến ĐT.188 đoạn Km48+00-Km86+300, huyện Chiêm Hóa, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	B	Huyện Chiêm Hóa, huyện Lâm Bình	36,71 km theo TC đường cấp III, MN	2019-2023	493/QĐ-UBND; 06/5/2020; 1542/QĐ-UBND, 09/10/2021;	598.878,00	568.000,00	530.384,00			552.394,42	552.394,42	7.989,58	7.989,58				Sở Giao thông vận tải	
3	Dự án đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện lỵ Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang	B	Huyện Yên Sơn	L= 11 km theo TC đường đô thị	2021-2023	591/QĐ-UBND 07/6/2021; 368/QĐ-UBND, 07/4/2022; 523/QĐ-UBND 24/5/2023	699.340,00	432.426,00	432.426,00			432.426,00	432.426,00						Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	
4	Dự án xây dựng cầu Xuân Ván, vượt sông Gám, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	B	Huyện Yên Sơn	Cầu vĩnh cửu	2021-2024	578/QĐ-UBND 04/6/2021; 367/QĐ-UBND, 07/4/2022	233.573,43	233.573,43	232.686,00			208.877,26	208.377,26	23.808,74	23.808,74				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	
5	Cầu qua sông Lô Km 71 đường Tuyên Quang - Hà Giang đi Bạch Xá, xã Bạch Xá, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	B	Huyện Hàm Yên	Cầu vĩnh cửu	2021-2024	41/NQ-HĐND; 20/11/2020; 577/QĐ-UBND 04/6/2021	176.995,26	160.000,00	148.200,00			112.020,00	112.020,00	36.180,00	36.180,00				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định quyết toán/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lấy kế vốn đã giao đến năm 2024		Dự kiến kế hoạch năm 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Tổng số			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	25	26	27	28	29	30
6	Xây dựng đường giao thông từ Trường Tiểu Học xã Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nà Vàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	B	Huyện Lâm Bình		2021-2024	48/NQ-HĐND; 20/11/2020; 553/QĐ-UBND 31/5/2021	98.000,00	74.735,00	74.735,00			69.851,52	69.004,52	5.730,48	5.730,48			UBND huyện Lâm Bình	
7	Đầu tư xây dựng Cầu và tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ Km183 QL37 đi qua tổ dân phố Tân Kỳ, Tân Phúc qua Quốc lộ 2C đến Km 188 QL37, tổ dân phố Đàng Châu, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	B	Huyện Sơn Dương	Đường đố thi, L=4,7km	2021-2024	46/NQ-HĐND; 20/11/2020; 592/QĐ-UBND 07/6/2021	329.480,00	290.000,00	290.000,00			246.607,90	246.607,90	43.392,10	43.392,10			Sở Giao thông vận tải	
8	Cải tạo nâng cấp đường Tân Yên - Thái Sơn - Thái Hòa - Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	B	Huyện Hàm Yên	Đường cấp IV, L=11,332 km	2021-2024	52/NQ-HĐND; 20/11/2020; 552/QĐ-UBND 31/5/2021	133.888,00	111.000,00	111.000,00			111.000,00	111.000,00					Sở Giao thông vận tải	
9	Xây dựng đường từ Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm đến Quốc lộ 2D và đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ	B	Tỉnh Tuyên Quang	Đường đố thi, L=7,5km	2021-2024	45/NQ-HĐND; 20/11/2020; 529/QĐ-UBND 26/5/2021	487.000,00	390.000,00	390.000,00			293.391,00	293.391,00	96.609,00	96.609,00			Sở Giao thông vận tải	
(2)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025						6.800.000,00	4.497.170,00	4.497.170,00			4.084.749,97	4.084.749,97	412.420,03	412.420,03				
1	Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua địa phận tỉnh Tuyên Quang	A	Tỉnh Tuyên Quang	L=77 km; Đường cao tốc	2023-2025	1868/QĐ-UBND, 21/12/2022	6.800.000,00	4.497.170,00	4.497.170,00			4.084.749,97	4.084.749,97	412.420,03	412.420,03			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	
	<i>Trong đó:</i>		<i>Tỉnh</i>																
-	Các hạng mục còn lại của dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) Đoạn qua tỉnh Tuyên Quang		Tỉnh Tuyên Quang		2023-2025	1868/QĐ-UBND, 21/12/2022	5.384.205,00	3.081.375,00				2.668.954,97	2.668.954,97	412.420,03	412.420,03			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	
-	Tiểu dự án 3, giải phóng mặt bằng trên địa phận huyện Hàm Yên thuộc dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua tỉnh Tuyên Quang		Huyện Hàm Yên		2023-2025	1212/QĐ-UBND, 24/10/2023	1.042.359,00	1.042.359,00				1.042.359,00	1.042.359,00					UBND huyện Hàm Yên	

TT	Danhs mvc dự ỏn	Nhóm dự ỏn	Điỏ điểm XD	Nỏng lỏc thiết kỏ	Thời gian KC-HT	Quyỏt đnh quyỏt toỏn/Quyỏt đnh đầu tư dự ỏn		Kỏ hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kỏ vốn đã giao đến năm 2024		Dự kiến kỏ hoạch năm 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số quyỏt đnh ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tỏt cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
							Tổng số (tỏt cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Tổng số	Trong đó:				
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	25	26	27	28	29	30	
-	Tiểu dự ỏn 2, giải phóng mặt bằng trên địa phận huyện Yên Sơn thuộc dự ỏn Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua tỉnh Tuyên Quang		Huyện Yên Sơn		2023-2025	1104/QĐ-UBND, 06/10/2023	264.876,00	264.876,00				264.876,00	264.876,00						UBND huyện Yên Sơn	
-	Tiểu dự ỏn 1, giải phóng mặt bằng trên địa phận thành phố Tuyên Quang thuộc dự ỏn Cao tốc Tuyên Quang Hà Giang (giai đoạn 1) đoạn qua tỉnh Tuyên Quang		Thành phố Tuyên Quang		2023-2025	972/QĐ-UBND, 31/8/2023	108.560,00	108.560,00				108.560,00	108.560,00						UBND thành phố Tuyên Quang	
(3)	Các dự ỏn chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025						420.000,00	420.000,00	420.000,00			200.000,00	200.000,00	220.000,00	220.000,00					
2	Tuyến đường từ thị trấn Sơn Dương đi xã Tân Trào huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	B	Huyện Sơn Dương	L=9,744 Km, đường cấp III	2023-2026	93/QĐ-UBND, 29/01/2024	420.000,00	420.000,00	420.000,00			200.000,00	200.000,00	220.000,00	220.000,00					
II	Y TẾ						2.237.705,00	1.543.000,00	1.543.000,00	175.000,00		938.050,30	910.049,92	550.620,38	550.620,38					
(1)	Các dự ỏn hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024						441.000,00	343.000,00	343.000,00	175.000,00		270.350,30	242.349,92	18.320,38	18.320,38					
1	Dự ỏn Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	B	TP Tuyên Quang	200 giường	2021-2024	13/NQ-HĐND; 29/4/2020; 1544/QĐ-UBND, 09/10/2021; 1647/QĐ-UBND, 09/11/2022	208.000,00	168.000,00	168.000,00			177.680,00	149.679,62	18.320,38	18.320,38				Sở Y tế	
2	Các dự ỏn sử dụng vốn Chương tình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội						233.000,00	175.000,00	175.000,00	175.000,00		92.670,30	92.670,30							
2.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng và mua bổ sung trang thiết bị y tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC).	B	TP Tuyên Quang		2022-2025	260/QĐ-UBND, 04/4/2023	61.000,00	51.000,00	51.000,00	51.000,00		26.000,00	26.000,00							
2.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng và mua bổ sung trang thiết bị y tế Trung tâm y tế huyện Hàm Yên	B	Huyện Hàm Yên	300 giường bệnh	2022-2025	320/QĐ-UBND, 14/4/2023	100.000,00	52.000,00	52.000,00	52.000,00		18.170,30	18.170,30							
2.3	Dự ỏn Trạm y tế thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	C	TT Sơn Dương, huyện Sơn Dương		2022-2023	556/QĐ-UBND, 31/5/2023	9.000,00	9.000,00	9.000,00	9.000,00		6.000,00	6.000,00							
2.4	Dự ỏn Trạm y tế thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	C	TT Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa		2022-2023	753/QĐ-UBND, 19/7/2023	9.000,00	9.000,00	9.000,00	9.000,00		8.000,00	8.000,00							

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định quyết toán/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn đã giao đến năm 2024		Dự kiến kế hoạch năm 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Tổng số	Trong đó:				
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	25	26	27	28	29	30	
2.5	Dự án Trạm y tế thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	C	TT Na Hang, huyện Na Hang		2022-2023	937/QĐ-UBND, 25/8/2023	9.000,00	9.000,00	9.000,00	9.000,00		7.500,00	7.500,00							
2.6	Dự án Trạm y tế thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	C	TT Lâm Can, huyện Lâm Bình		2022-2024	1390/QĐ-UBND, 20/11/2023	9.000,00	9.000,00	9.000,00	9.000,00		4.000,00	4.000,00							
2.7	Dự án Trạm y tế xã Thái Long, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	C	Xã Thái Long, TPTQ		2022-2023	254/QĐ-UBND, 03/4/2023	9.000,00	9.000,00	9.000,00	9.000,00		7.500,00	7.500,00							
2.8	Dự án Trạm y tế phường An Tường, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	C	Phường An Tường, TPTQ		2022-2024	1529/QĐ-UBND, 13/12/2023	9.000,00	9.000,00	9.000,00	9.000,00		4.000,00	4.000,00							
2.9	Dự án Trạm y tế phường Mỹ Lâm, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	C	Phường Mỹ Lâm, TPTQ		2022-2024	1391/QĐ-UBND, 20/11/2023	9.000,00	9.000,00	9.000,00	9.000,00		4.500,00	4.500,00							
2.10	Dự án Trạm y tế xã Tráng Đà, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	C	Xã Tráng Đà, TPTQ		2022-2023	255/QĐ-UBND, 03/4/2023	9.000,00	9.000,00	9.000,00	9.000,00		7.000,00	7.000,00							
(2)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025						1.796.705,00	1.200.000,00	1.200.000,00			667.700,00	667.700,00	532.300,00	532.300,00					
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	A	TP Tuyên Quang	800 giường	2021-2025	53/NQ-HĐND; 20/11/2020; 33/NQ-HĐND, 16/9/2022; 1891/QĐ-UBND, 27/12/2022	1.796.705,00	1.200.000,00	1.200.000,00			667.700,00	667.700,00	532.300,00	532.300,00				Sở Xây dựng	
III	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, VIỆC LÀM, DẠY NGHỀ						255.810,00	200.000,00	150.000,00			150.000,00								
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						255.810,00	200.000,00	150.000,00			150.000,00								
1	Xây dựng Trường THPT Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới	B	TP Tuyên Quang	38 lớp	2021-2024	54/NQ-HĐND; 20/11/2020; 1191/QĐ-UBND, 22/8/2022; 1061/QĐ-UBND, 26/9/2023	255.810,00	200.000,00	150.000,00			150.000,00							Sở Giáo dục và Đào tạo	
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI						218.904,25	213.904,25	195.304,00			116.304,00	98.258,16	115.645,84	115.645,84					
(1)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025						123.904,25	123.904,25	105.304,00			113.304,00	98.258,16	25.645,84	25.645,84					
1	Dự án Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tuyên Quang	B	TP Tuyên Quang	Tiếp nhận từ 200 đến 300 HV	2019-2025	1358/QĐ-UBND 30/9/2020; 1603/QĐ-UBND, 21/10/2021	123.904,25	123.904,25	105.304,00			113.304,00	98.258,16	25.645,84	25.645,84				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình DD&CN	

TT	Danhs mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định quyết toán/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lấy kế vốn đã giao đến năm 2024		Dự kiến kế hoạch năm 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Tổng số			Trong đó:	
																		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	25	26	27	28	29	30
(2)	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025						95.000,00	90.000,00	90.000,00			3.000,00		90.000,00	90.000,00				
1	Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang	B	Huyện Sơn Dương		2023-2025	01/NQ-HĐND, 28/02/2023	95.000,00	90.000,00	90.000,00			3.000,00		90.000,00	90.000,00			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích Ban Thường trực Quốc Hội, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang		Huyện Sơn Dương															Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
V	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI																		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>																		
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khôn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên		Huyện Hàm Yên																
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khuổi Giàng, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn		Huyện Yên Sơn																
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đèo Hoa, xã Châu Sơn, huyện Yên Sơn		Huyện Yên Sơn																
V	ĐỀ ÁN TỔNG THỂ DI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG	A	Tỉnh Tuyên Quang		2011-2025	1766 QĐ-TTg; 10/10/2011; QĐ 348/QĐ-TTg, 12/3/2021	1.868.935,00	1.868.935,00	427.524,00	64.524,00		1.795.825,00	1.795.825,00	28.550,00	28.550,00			UBND huyện, thành phố, Ban di dân TĐC thủy điện YQ	
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA								3.164.592,00			2.215.402,00	2.215.402,00	783.826,00	783.826,00				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		Tỉnh Tuyên Quang		2021-2025				828.364,00			506.525,00	506.525,00	156.475,00	156.475,00				
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		Tỉnh Tuyên Quang		2021-2025				503.457,00			414.517,00	414.517,00	88.940,00	88.940,00				
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		Tỉnh Tuyên Quang		2021-2025				1.832.771,00			1.294.360,00	1.294.360,00	538.411,00	538.411,00				

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc hiệp định	Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2024				Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025				CHỦ ĐẦU TƯ	CHI CHỦ				
						TMDT							Trong đó:				Trong đó:				Trong đó:									
						Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW						
								Tổng số	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:										
															Dựa vào cân đối NSTW	Vay lại				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư			Tổng số			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG SỐ						2.908.895	538.350	448.773	76.079	2.352.556	1.860.392	326.799	826.708				826.708	76.046				76.046	397.036				397.036		
	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC						2.908.895	538.350	448.773	76.079	2.352.556	1.860.392	326.799	826.708				826.708	76.046				76.046	397.036				397.036		
I	Nông nghiệp và phát triển nông thôn						722.866	95.785	6.208	26	627.081	610.386	16.695	306.004				306.004	9.900				9.900	25.160				25.160		
	Dự án nhóm B						722.866	95.785	6.208	26	627.081	610.386	16.695	306.004				306.004	9.900				9.900	25.160				25.160		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						675.477	89.577		26	585.900	569.205	16.695	306.004				306.004	9.900				9.900	25.160				25.160		
1	Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang		KOICA	23/01/2019	31/12/2023	85/QĐ-UBND 21/3/2019	413.917	76.417		15	337.500	337.500		191.544				191.544						20.510				20.510	Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	
2	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)		WB	08/4/2016	30/6/2022	4638/QĐ-BNN-HTQT 09/11/2015	251.660	13.160		11	238.500	221.805	16.695	104.560				104.560						4.650				4.650	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
3	Dự án Cấp nước sinh hoạt gắn với phát triển nông nghiệp bền vững xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang		Quỹ đặc biệt hợp tác Mè Công - Lan Thương/Trung Quốc			248/QĐ-UBND	9.900			0,428	9.900	9.900		9.900				9.900	9.900				9.900					9.900	UBND huyện Na Hang	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2025						47.389	6.208	6.208		41.181	41.181																		
1	Dự án "Tăng cường hiệu quả đầu tư và duy trì, phát triển, đảm bảo bền vững Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang do KOICA tài trợ		KOICA	2024	2025	506/QĐ-UBND, 22/12/2023	47.389	6208	6208	2,007	41.181,0	41.181,0																	Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	
II	Giao thông						1.988.147	428.036	428.036	75.942	1.560.111	1.250.006	310.104	355.340				355.340					355.340					355.340		
	Dự án nhóm B						1.988.147	428.036	428.036	75.942	1.560.111	1.250.006	310.104	355.340				355.340					355.340					355.340		
1	Dự án khởi công mới năm 2025						1.988.147	428.036	428.036	75.942	1.560.111	1.250.006	310.104	355.340				355.340					355.340					355.340		
1	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du		JICA	2022	2025	Quyết định số 456 ngày 13/4/2022 của Thủ tướng chính phủ	998.200	208.555	208.555	34.101,1	789.644,5	710.680,1	78.964,5	355.340				355.340					355.340					355.340	Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang (Quốc lộ 2 đoạn tránh thành phố Tuyên Quang) đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, phường Mỹ Lâm, TP.Tuyên Quang (EDCF)		EDCF	2024	2026		989.947	219.481	219.481	41.841,0	770.466,0	539.326,0	231.140,0																Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc hiệp định	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2024				Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
						TMDT						Trong đó:				Trong đó:				Trong đó:						
						Số quyết định	Vốn đối ứng			Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)					
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tinh bằng ngoại tệ	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Chuẩn bị đầu tư
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại														
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						197.882	14.529	14.529	110,6	165.364				165.364	66.146			66.146	16.536				16.536		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2024						197.882	14.529	14.529	110,6	165.364				165.364	66.146			66.146	16.536				16.536		
1	Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, vốn vay ODA của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)		Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)				197.882,0	14.529,0	14.529,0	110,6	165.364,0				165.364	66.146			66.146	16.536				16.536	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình DD&CN	